

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **110/2024/HS-PT**  
Ngày: 17 - 6 - 2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Tú.

*Các Thẩm phán:* 1. Ông Nguyễn Ngọc Sâm.  
2. Bà Lưu Thị Thu Hương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 96/2023/TLPT-HS ngày 06 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “*Tham ô tài sản*”, do có kháng cáo của bị cáo, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2024/HS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Ea H’Leo, tỉnh Đắk Lắk theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2024/QĐXXPT-HS ngày 03/6/2024.

**\* Bị cáo có kháng cáo:** Họ và tên: Nguyễn Ngọc T, sinh năm 2000 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Nhân viên giao nhận; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Chi B và con bà Nguyễn Hoàng V.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, từ ngày 10 tháng 11 năm 2023 cho đến nay. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào ngày 24/8/2023 Nguyễn Ngọc T ký kết với Công ty N Hợp đồng dịch vụ số: 01315434-23/HDDV có thời hạn từ ngày 24/8/2023 đến ngày 23/10/2023. T được giao làm việc trực tiếp tại địa điểm kinh doanh Bru cục 262I01, tại địa chỉ số 563 đường P, thị trấn D, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. Theo hợp đồng T có trách nhiệm giao, nhận hàng hóa theo chỉ dẫn của người điều phối ở Bru cục hoặc theo chỉ định; T có trách nhiệm thu hộ tiền hàng và tiền phí vận chuyển từ khách hàng rồi nộp lại đầy đủ số tiền đã thu hộ (nếu có), cập nhật, bàn giao kết quả thực hiện dịch vụ theo đúng yêu cầu cho Công ty vào cuối mỗi ngày làm việc. Quá trình làm việc T được

Công ty cấp tài khoản có bảo mật bằng mật khẩu để thao tác trên hệ thống phần mềm quản lý của Công ty có tên “J&T Sprinter”. Cuối mỗi ngày, T về Bureau gặp người điều phối bàn giao lại số đơn hàng chưa giao được và số tiền đã thu hộ theo thông tin trên phần mềm quản lý. Người điều phối kiểm tra, đối chiếu với số hàng đã giao, chưa giao được để nhận lại hàng và tiền.

Quá trình thực hiện công việc từ ngày 15/9/2023 đến ngày 18/9/2023 T đã thực hiện chuyển phát thành công nhiều đơn hàng cho khách hàng, thu tiền thu hộ và tiền cước vận chuyển của khách hàng. Sau khi đã thu tiền thu hộ, tiền cước vận chuyển T nảy sinh ý định chiếm đoạt, nên T chỉ xác nhận một phần đơn hàng đã giao thành công vào hệ thống và nộp lại số tiền đã thu hộ đối với những đơn hàng đã xác nhận. Trong tổng số nhiều đơn hàng đã giao thành công cho khách hàng, có 15 đơn hàng T đã giao thành công và đã thu tiền thu hộ, tiền cước vận chuyển của khách hàng với tổng số tiền là 40.802.800 đồng, nhưng T không xác nhận giao hàng thành công vào hệ thống mà sử dụng thao tác “Phát hàng sai/Phân hàng sai” hoặc “Khách hẹn lại ngày nhận” trên ứng dụng “J&T Sprinter” nhằm để hàng tồn kho trong nhiều ngày, mục đích không giao nộp số tiền đã thu hộ của khách hàng cho Công ty. Cụ thể như sau:

*Lần thứ nhất:* Ngày 15/9/2023, T giao 01 đơn hàng có mã vận đơn 802406310220 cho bà Vũ Thị L sinh năm 1959, trú tại: Thôn N, xã H, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ và tiền cước vận chuyển số tiền 4.530.000 đồng; giao 01 đơn hàng có mã vận đơn 842505156863 cho bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1982, trú tại: Thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ số tiền 1.900.000 đồng. Tổng số tiền T đã chiếm đoạt trong ngày 15/9/2023 là 6.430.000 đồng.

*Lần thứ hai:* Ngày 16/9/2023, T giao 01 đơn hàng có mã vận đơn 842505407149 cho bà Trần Thị Hoàng T, sinh năm 1980, trú tại: Tổ dân phố M, thị trấn D, huyện H, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ và tiền cước vận chuyển số tiền 2.593.000 đồng; giao 01 đơn hàng có mã vận đơn JNTMP0019091420VNA cho ông Trần Văn T, sinh năm 1989, trú tại: Tổ dân phố T, thị trấn D, huyện H, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ số tiền 3.211.800 đồng. Tổng số tiền T đã chiếm đoạt trong ngày 16/9/2023 là 5.804.800 đồng.

*Lần thứ ba:* Ngày 17/9/2023, T giao 01 đơn hàng có mã vận đơn 842504241058 cho bà Nguyễn Thị L sinh năm 1989, trú tại: Thôn M, xã E, huyện Ea H’Leo, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ số tiền 3.018.000 đồng; giao 01 đơn hàng có mã vận đơn 842505398688 giao cho ông Mã Siêu T, sinh năm 1989, trú tại: Thôn S, xã M, huyện H, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ số tiền 1.540.000 đồng; giao 02 đơn hàng có các mã vận đơn 802405658340 và 802405827780 cho ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 2003, trú tại: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ và tiền cước vận chuyển số tiền 8.204.000 đồng; giao 01 đơn hàng có mã vận đơn 802406271897 cho bà Võ Thị V, sinh năm 1990, trú tại: Thôn M, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ số tiền 2.286.000 đồng. Tổng số tiền T đã chiếm đoạt trong ngày 17/9/2023 là 15.048.000 đồng.

*Lần thứ bốn:* Ngày 18/9/2023, T giao 01 đơn hàng có mã vận đơn 842505592923 cho bà Hoàng Thị Minh Tâm, sinh năm 1993, trú tại: Thôn M, xã N,

huyện H, tỉnh Đắk Lắk, thu tiền thu hộ số tiền 2.970.000 đồng; giao 05 đơn hàng có các mã vận đơn 842504500300; 842505133743; 842505594948; 842505605328 và 842505656362 cho ông Trần Đức C, sinh năm 1984, trú tại: Thôn N, xã N, huyện H, tỉnh Đắk Lắk, thu hộ số tiền 10.550.000 đồng. Tổng số tiền T đã chiếm đoạt trong ngày 18/9/2023 là 13.520.000 đồng.

Sau sự việc xảy ra, Công ty yêu cầu Nguyễn Ngọc T hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt là 40.802.800 đồng. Tuy nhiên, T đã cho anh Bùi Hoàng T vay số tiền 1.900.000 đồng vào ngày 15/9/2023, số tiền còn lại thì T đã tiêu xài hết nên không có khả năng giao nộp cho Công ty. Đến ngày 16/10/2023 Công ty có đơn tố cáo hành vi của Nguyễn Ngọc T đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Ea H'Leo.

Trong quá trình điều tra Nguyễn Ngọc T đã tự nguyện bồi thường số tiền lương là 3.426.461 đồng cho Công ty N để khắc phục một phần hậu quả.

***Tại bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:***

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “*Tham ô tài sản*”.
2. Về điều luật áp dụng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353, điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.
3. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 07 (Bảy) năm tù về tội “*Tham ô tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T tiếp tục trả lại cho Công ty N số tiền đã chiếm đoạt là 37.376.339 đồng.

Đối với số tiền 1.900.000 đồng bị cáo Nguyễn Ngọc T cho anh Bùi Hoàng T vay, bị cáo chưa yêu cầu anh T trả lại nên không xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/3/2024, bị cáo Nguyễn Ngọc T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình không có ý kiến tranh luận gì về tội danh, mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và khẳng định bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk xét xử bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội “*Tham ô tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt 07 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm thì bị cáo đã khắc phục hậu quả thể hiện qua việc bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại, đã tiếp tục bồi thường số tiền 37.376.339 đồng đã chiếm đoạt của Công ty N và được Công ty N làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc T, Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2024/HS-ST

ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk về mức hình phạt. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 05 năm tù về tội "*Tham ô tài sản*".

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì thêm mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập, đánh giá có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Nguyễn Ngọc T là nhân viên hợp đồng dịch vụ của Công ty N được phân công làm việc tại địa điểm kinh doanh là Bưu cục 262I01, địa chỉ tại số 563 đường P, thị trấn D, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. Theo Hợp đồng đã ký với Công ty bị cáo Nguyễn Ngọc T có nhiệm vụ giao hàng, thu hộ tiền từ khách hàng và có trách nhiệm quản lý số tiền thu hộ này để nộp về cho Công ty vào cuối mỗi ngày làm việc. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian từ ngày 15/9/2023 đến ngày 18/9/2023 khi thực hiện nhiệm vụ được giao bị cáo đã nhiều lần chiếm đoạt số tiền thu hộ, đã thu của khách hàng mà mình có trách nhiệm quản lý là 40.802.800 đồng, nhưng Nguyễn Ngọc T không nộp về cho Công ty. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội "*Tham ô tài sản*" theo điểm b khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp lý, đảm bảo đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu. Sau khi phạm tội đã bồi thường được một phần thiệt hại cho Công ty N. Sau khi xét xử sơ thẩm thì bị cáo đã ăn năn hối cải thể hiện qua việc bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại, đã tiếp tục bồi thường số tiền 37.376.339 đồng đã chiếm đoạt của Công ty N và được Công ty N làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Do đó, HĐXX nhận thấy có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước đối với người phạm tội thật thà khai báo, ăn năn hối cải.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng

hình sự.

- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc T;
- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2024/HS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

[2] Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc T 05 (Năm) năm tù**, về tội "*Tham ô tài sản*". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Bị cáo Nguyễn Ngọc T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- VP CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea H'Leo;
- VKSND huyện Ea H'Leo;
- Công an huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS H. Ea H'Leo;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Vũ Văn Tú**